

Bản án số: 273/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Toàn

Bà Nguyễn Thị Lệ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Chung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa;* Ông Nguyễn Tiến Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 16/6/2023, giữa các đương sự:

-- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H - sinh năm 1983; HKTT: Căn hộ 4, tầng 4, Tòa T1 chung cư T, huyện Hoài Đức, Hà Nội – Có mặt tại phiên tòa .

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1985; HKTT: Căn hộ 4, tầng 4, Tòa T1 chung cư T, huyện Hoài Đức, Hà Nội - vắng mặt tại phiên tòa .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

-**Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh T kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng

thường xuyên cãi nhau, anh T không chịu đi làm, không lo lắng kinh tế gia đình, vợ chồng sống cùng nhà nhưng mỗi người ở một phòng không quan tâm đến nhau, nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, xin được ly hôn, hiện tại chị không mang thai.

-Về con chung: Vợ chồng sinh được 02 cháu là Nguyễn Phúc K, sinh ngày 22/02/2014, cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 22/4/2019, hiện tại các cháu đang ở cùng với chị và anh T, nay ly hôn chị xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, hiện tại mức lương của chị là 25.000.000đ, chị đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con, còn anh T hiện tại không có công ăn việc làm gì nên không thể nuôi được các con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên không có quan điểm trình bày:**

***UBND xã An Khánh cho biết:** Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 26/4/2013, anh chị sinh sống tại căn hộ 4, tầng 4, Tòa T1 chung cư Thăng Long Victory xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, không có công ăn việc làm, không có trách nhiệm với gia đình, mặc dù vợ chồng chưa sống ly thân nhưng không quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn quan điểm của UBND xã An Khánh đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Anh T và chị H có sinh được 2 cháu là Nguyễn Phúc K, sinh ngày 22/02/2014, cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 22/4/2019, hiện tại các cháu đang ở cùng anh T và chị H, nay anh chị ly hôn quan điểm của UBND xã An Khánh đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định pháp luật.

Từ khi các cháu ở với chị H và anh T, UBND xã An Khánh, ban thương binh xã hội và hội phụ nữ xã An Khánh không nhận được bất cứ văn bản nào về việc chị H, anh T nuôi dưỡng các cháu không tốt, không cho các cháu đi học hoặc ngược đãi các cháu, hiện tại các cháu vẫn được anh T chị H đang cho đi học, và được nuôi dưỡng tốt.

***Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:**

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án,

kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

* Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: vợ chồng có 02 là Nguyễn Phúc K, sinh ngày 22/02/2014, cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 22/4/2019, theo nguyện vọng của cháu K là được ở với chị H, chị H có điều kiện nuôi dưỡng con tốt, anh T không có việc làm nên giao các cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T đến khi có yêu cầu mới. Về tài sản chung, nợ chung: chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Giành quyền khởi kiện chia tài sản chung và nợ chung sau ly hôn cho anh T và chị H nếu anh T và chị H có tài sản chung, nợ chung. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*”. Anh Nguyễn Văn T hiện sinh sống tại căn hộ 4, tầng 4, Tòa T1 chung cư Thăng Long Victory xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuấn là đúng quy định tại Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 26/4/2013, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị H, sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

anh T chơi bời và không chịu đi làm gì, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng tuy sống chung cùng căn hộ nhưng ngủ riêng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, cháu K là con lớn của anh chị là người thường xuyên chứng kiến mâu thuẫn về cuộc sống của anh T và chị H. Mặt khác, nhiều lần Tòa án báo gọi anh T đến làm việc nhưng anh T không đến chứng tỏ anh T không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh T sinh được 02 con chung là Nguyễn Phúc K, sinh ngày 22/02/2014 và cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 22/4/2019, theo nguyện vọng của cháu K là được ở với mẹ, do mẹ có công ăn việc làm, bố không có công ăn việc làm, nguyện vọng của chị H xin được nuôi cả hai cháu, HĐXX xét thấy: Chị H hiện tại có công ăn việc làm ổn định, mức lương 25.000.000đ/tháng, còn anh T không có công ăn việc làm, không có thu nhập nên giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục là phù hợp qui định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T đến khi có yêu cầu mới.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có quan điểm nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết. Giành quyền khởi kiện chia tài sản sau ly hôn nếu có căn cứ anh T và chị H có tài sản chung, nợ chung.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 22/02/2014 và cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 22/4/2019 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T đến khi có yêu cầu mới, anh T có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chưa giải quyết. Giành quyền khởi kiện chia tài sản sau ly hôn nếu có căn cứ anh T và chị H có tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) là tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là theo biên lai thu số 0016408 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã A, huyện Hoài Đức, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan